TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI
Bản án số: 109/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2019.
V/v: "Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Thương.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên
2. Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Địa diện Viện Kiểm sát nhân dân TP B tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1239/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lan O, sinh năm 1979
Địa chỉ: Khu An Trung, TT D, huyện K, tỉnh Hải Dương
- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1975
Địa chỉ: Số nhà 23, KP12, P. A, TP. B, tỉnh Đồng Nai
(Ông K, bà O có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 06/5/2019, bà Nguyễn Thị Lan O nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP B giải quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Đình K. Lý do xin ly hôn, theo bà O trình bày: Năm 2003 bà và Ông K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lưu, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp, không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà O nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được và ngày càng trở lên trầm trọng, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với Ông K.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Tâm, sinh ngày 24/8/2004 và Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 11/7/2009. Ly hôn bà yêu cầu được

trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Tâm và cháu Anh, Ông K cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng)/tháng/2con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà O xác định không có.

Theo bản tự khai của ông Nguyễn Đình K trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như bà O đã khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường thời gian sau đó vợ chồng ông sống không còn quan tâm chia sẻ nên thường xuyên cãi nhau cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm như trước nữa, nay ông đồng ý ly hôn với bà O.

- Về con chung: ông và bà O có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Tâm, sinh ngày 24/8/2004 và Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 11/7/2009. Ly hôn ông đồng ý giao cháu Tâm và cháu Anh cho bà O trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/2con (hai triệu đồng).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Ông K xác định không có.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và Ông K phải chịu300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: bà Nguyễn Thị Lan O xin ly hôn với ông Nguyễn Đình K và Ông K có nơi cư trú tại địa chỉ: Số nhà 23, KP12, P. An Bình, TP. B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân TP. B có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan O và bị đơn ông Nguyễn Đình K đều đã có đơn đề nghị Tòa án cho vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà O tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lưu, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 02/11/2003), theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà O nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với Ông K, lý do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm,

không hợp nhau. Nay bà O nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Ông K. Qua lời khai của Ông K và bà O cũng xác định tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn như trước, vì vậy Ông K đồng ly hôn với bà O.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Kiên, bà O có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà O vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Ông K. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà O và Ông K mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O, giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Hòa để trả tự do cả hai.

[4] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Tâm, sinh ngày 24/8/2004 và Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 11/7/2009. Ly hôn Ông K và bà O thống nhất giao cháu Tâm và cháu Anh cho bà O được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tâm và cháu Anh muốn sống chung với bà O. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/2con (hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) kể từ ngày có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cho đến khi cháu Tâm và cháu Anh tròn 18 tuổi và có khả năng lao động

Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà O trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà O, Ông K xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Lan O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và ông Nguyễn Đình K chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12, Điều 89, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu "Ly hôn" của bà Nguyễn Thị Lan O.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Lan O được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

2. Về con chung: Bà O và Ông K có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh Tâm, sinh ngày 24/8/2004 và Nguyễn Trâm Anh, sinh ngày 11/7/2009. Ly giao cháu Tâm và cháu Anh cho bà O được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng/2con (Hai triệu đồng) kể từ ngày có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cho đến khi cháu Tâm và cháu Anh tròn 18 tuổi và có khả năng lao động

Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Bà O trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lan O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, và ông Nguyễn Đình K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà O đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu số 0008343 ngày 10/6/2019. Ông K phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Ông Nguyễn Đình K và bà Nguyễn Thị Lan O được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Tân Biên, TP. B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

Phan Thị Thu Thương